

Bản án số: 1426/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2017

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Viết Đức

2. Bà Lê Thị Xin

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 891/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2017/QĐXX-ST ngày 16.10.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2017/QĐST- HNGĐ ngày 08.11.2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – sinh năm: 1965

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trịnh Quang A – sinh năm: 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10.7.2017, bản tự khai ngày 14/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Trịnh Quang A tự nguyện kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên vợ, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến vài năm sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ngoài ra ông A còn thường xuyên cờ bạc, gây nợ nhiều người, ông A đã bỏ nhà đi từ ngày 30/4/2017 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông Trịnh Quang A.

- Về con chung: 02 người tên Trịnh Thị Minh H1, sinh năm 1992, Trịnh Anh Q, sinh năm 1999 (tất cả đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Nợ chung: Không có.

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn quyền số 53, số 1/1991 do Ủy ban nhân dân thị trấn H cấp ngày 22/11/1991 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn – bà Trần Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin vắng mặt của bà H, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, bà H khai vợ chồng bà sống hạnh phúc được 02 năm đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không còn tình cảm, ngoài ra, ông A còn thường xuyên cờ bạc, thiếu nợ nhiều người, ông A đã bỏ nhà đi từ ngày 30/4/2017 đến nay. Hội đồng xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông A nhiều lần để hòa giải vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau, nhưng ông A không đến tòa, tại biên bản xác minh ngày 14/8/2017, thì ông A không còn ở địa phương, ông đi đâu, làm gì cũng không báo cho địa phương và gia đình biết. Như vậy, chứng tỏ lời khai của bà H là thật, vợ chồng bà H, ông A không còn chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

-Về con chung: 02 người tên Trịnh Thị Minh H1, sinh năm 1992, Trịnh Anh Q, sinh năm 1999. Tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trịnh Quang A.

2/ Về con chung: 02 người tên Trịnh Thị Minh H1, sinh năm 1992, Trịnh Anh Q, sinh năm 1999. Tất cả đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nợ chung: Không có.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0032395 ngày 25 tháng 07 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng